TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **37** /2017/DS-ST Ngày: 02-11-2017 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Dương Phước An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2016/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 647/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận H; địa chỉ: Số 69 đường Lê H, phường Thuận H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu T1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Độ T2, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 20 đường Nguyễn Cư T, phường Thuận H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thị H, 1964; địa chỉ: Số 20 đường Nguyễn Cư T, phường Thuận H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2016 của Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận H và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Diệu T1 là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Độ T2 là thành viên của Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận H (sau đây gọi tắt là Quỹ Tín dụng). Ngày 18-12-2013, ông T2 với Quỹ Tín dụng ký Hợp đồng tín dụng số: 19/53/HĐTD với nội dung ông T2 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 18-12-2013 đến ngày 18-12-2014, lãi suất cho vay 1,65%/tháng tại thời điểm cho vay, lãi suất nợ quá hạn 2,475%, lãi và gốc thanh toán khi đến hạn, mục đích sử dụng vốn vay là sản xuất mộc dân dụng. Tại hợp đồng có nội dung tài sản bảo đảm vốn vay là nhà, đất nhưng thực tế không có bảo đảm mà bằng hình thức tín chấp.

Thực hiện hợp đồng, Quỹ Tín dụng đã giải ngân số tiền 40.000.000 đồng cho ông T2 theo Giấy nhận nợ và Giấy lĩnh tiền mặt cùng ngày 18-12-2013. Ông T2 đã trả lãi trong hạn đến ngày 18-01-2015 sau đó không trả nợ.

Đến nay, khoản vay đã quá hạn, ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Quỹ Tín dụng khởi kiện yêu cầu buộc bên vay phải trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 30-11-2016 là 22.506.000 đồng, tổng cộng 62.506.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc, thay đổi một phần yêu cầu số tiền lãi tính đến ngày 02-11-2017 là 33.627.000 đồng và yêu cầu ông T2, bà H có trách nhiệm thanh toán nợ gốc, lãi và tiền lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Phương thức và thời hạn trả là chậm nhất đến ngày 02-11-2017 trả 10.000.000 đồng, đến ngày 10-12-2017 trả 15.000.000 đồng, đến ngày 31-12-2017 trả 15.000.000 đồng là hết nợ gốc; số tiền nợ lãi phải hoàn thành trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 01-01-2018; nếu bên vay trả hết nợ gốc theo phương thức trên và có đơn đề nghị, Quỹ Tín dụng sẽ xem xét số tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất vay trong hạn; nếu không thực hiện thì yêu cầu trả hết nợ gốc, lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử đến khi trả hết nợ.

Bị đơn là ông Lê Độ T2 trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 30-8-2017 và ngày 07-9-2017, Toà án đã hai lần tống đạt Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T2 đều vắng mặt nên không ghi được lời khai của ông T2, không hòa giải được; do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông T2 trình bày ý kiến thừa nhận còn nợ số tiền gốc 40.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 02-11-2017 là 33.627.000 đồng theo như tính toán của bên cho vay, đồng ý trả nợ nhưng không có khả năng trả một lần. Đề nghị cho trả nợ theo phương thức trả dần, chậm nhất đến ngày 22-11-2017 trả 10.000.000 đồng, đến 31-12-2017 trả hết nợ gốc, sau đó tiếp tục trả lãi; số tiền nợ lãi đề nghị xem xét miễn giảm do việc làm ăn khó khăn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên không hoà giải được; phiên toà ngày 25-10-2017 vắng mặt nên phải hoãn phiên toà. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà là không chấp hành đúng, đề nghị xét xử vắng mặt bà H. Tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 278, 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Độ T2 và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận Hòa là 73.627.000 đồng (nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 33.627.000 đồng) và lãi phát sinh sau ngày xét xử; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H là vợ ông Lê Độ T2 có ký Giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng tín dụng với tư cách là người thừa kế. Căn cứ khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ký ngày 18-12-2013. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về số tiền nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ ngày 18-12-2013, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận số tiền vay. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 40.000.000 đồng.

[4] Về số tiền nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 1,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,475%/tháng, lãi và gốc thanh toán khi đến hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, thoả thuận lãi suất như trên là phù hợp quy định của pháp luật. Thời hạn

bên vay phải thanh toán gốc và lãi là ngày 18-12-2014. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận đã trả lãi đến ngày 18-01-2015 và còn nợ số tiền lãi từ ngày 18-01-2015 đến nay như yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn còn nợ số tiền lãi từ ngày 18-01-2015 đến 02-11-2017 là 40.000.000 đồng x 2,475%/tháng x 1.019 ngày = 33.627.000 đồng.

[5] Về yêu cầu trả nợ: Bên cho vay đã nhiều lần tạo điều kiện cho bên vay trả nợ nhưng bên vay vẫn không thực hiện nghĩa vụ; đến nay, hai bên không có thoả thuận gì khác về cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Xét khoản nợ phát sinh đã quá hạn, bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên căn cứ Điều 471, 473 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, nguyên đơn có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng. Tại Giấy đề nghị vay vốn, Hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị H vợ ông T2 ký là người thừa kế. Căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở xác định giao dịch vay vốn nêu trên do vợ chồng ông T2, bà H cùng thoả thuận xác lập nên vợ chồng có nghĩa vụ chung trả nợ cho Quỹ Tín dụng.

Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn thoả thuận phương thức trả nợ nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H vắng mặt, thoả thuận tại phần tranh tụng nên không có cơ sở ghi nhận.

Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông T2 và bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 73.627.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu tram hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 33.627.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu tram hai mươi bảy nghìn đồng).

Mặt khác, theo Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17-10-2016 được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất", Hội đồng xét xử xét thấy tính chất các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như trong án lệ. Vì vậy, áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL xác định nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn sau ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận yêu cầu nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 73.627.000 đồng x 5% = 3.681.350 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.563.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 147 và điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 285, 290, 401, 405, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17-10-2016 được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Độ T2 và bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận H số tiền nợ là 73.627.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), nợ lãi 33.627.000 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất.

2. Về án phí:

Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận H không phải chịu án phí; được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.563.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/002178 ngày 08-12-2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Ông Lê Độ T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.681.350 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Trường